

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ VĨNH CHÂU
TỈNH SÓC TRĂNG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 08/2023/DS-ST

Ngày: 01- 02 – 2023

*V/v Tranh chấp hợp đồng
mua bán tài sản*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ VĨNH CHÂU, TỈNH SÓC TRĂNG

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- ***Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:*** Ông Dương Chiêu Hùng.
- ***Các Hội thẩm nhân dân:*** Ông Triệu Khánh Long
Bà Nguyễn Huỳnh Hoa
- ***Thư ký phiên tòa:*** Ông Nguyễn Đình Hưng - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng.
- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa:*** Ông Âu Hoàng Mến - Kiểm sát viên.

Ngày 01 tháng 02 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Vĩnh Châu xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 141/2022/TLST-DS, ngày 07 tháng 10 năm 2022 về “*Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 128/2022/QĐXXST-DS ngày 16 tháng 12 năm 2022 giữa các đương sự:

- ***Nguyên đơn:*** Ông Trần Đại H, sinh năm 1973; Địa chỉ liên hệ: Khóm N, phường H, thị xã VC, tỉnh Sóc Trăng.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Chị Nguyễn Minh T, sinh năm 1995; Địa chỉ liên hệ: Khóm N, phường H, thị xã VC, tỉnh Sóc Trăng. (có mặt)

- ***Bị đơn:*** Ông Thạch L, sinh năm 1963; (có mặt)

Bà Huỳnh Thị P, sinh năm 1969 (có mặt)

Địa chỉ: ấp K, xã H, thị xã VC, tỉnh Sóc Trăng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 18/5/2022 của nguyên đơn ông Trần Đại H cũng như quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, người đại theo ủy quyền của nguyên đơn chị Nguyễn Minh T trình bày: Vào năm 2017 ông Trần Đại H có thực hiện mua bán thức ăn và thuốc thủy sản với ông Thạch L và bà Huỳnh Thị P, do tin tưởng nên ông H giao kết thông qua lời nói mà không lập thành văn bản, sau đó để củng cố hồ sơ ông H

có lập hợp đồng mua bán đề ngày 12/02/2021. Bên cạnh đó ông H giao dịch thông qua sổ giao nhận hàng mang tên “Chú L”.

Theo thỏa thuận, bắt đầu từ năm 2020 ông H bán thức ăn và thuốc thủy sản cho ông Thạch L và bà Huỳnh Thị P. Hàng hóa được nhân viên giao hàng chở tận nơi hoặc ông L và bà P hoặc người nhà của ông L đến lấy hàng tại kho của ông H để nhận hàng. Ông L và bà P tiến hành kiểm tra và ký bản đối chiếu xác nhận công nợ khi ông H yêu cầu. Cuối vụ thu hoạch tôm, ông L và bà P phải thanh toán hết tiền hàng cho ông H. Trường hợp xét thấy công nợ cao, ông L và bà P vẫn không thanh toán tiền hàng, ông H có quyền cắt hàng và đề nghị ông bà thanh toán hết số tiền hàng còn nợ cho ông H. Thời điểm cắt hàng được xem là thời điểm chấm dứt giao dịch.

Trong quá trình thực hiện giao dịch, ông H đã cung cấp hàng hóa đúng theo yêu cầu đặt hàng của ông L và bà P. Sau khi nhận hàng ông L và bà P không hề phản nản hay có khiếu nại gì về số lượng, chất lượng, chủng loại hàng hóa mà ông H đã giao. Mặc dù ông H thực hiện đúng thỏa thuận hợp đồng, nhưng ông L và bà P đã không thực hiện đúng nghĩa vụ thanh toán, cụ thể đến cuối vụ tôm ông L và bà P không thanh toán hết tiền hàng cho ông H.

Đến khi công nợ đã lên đến 275.707.000 đồng (*Hai trăm bảy mươi lăm triệu bảy trăm lẻ bảy nghìn đồng*) thì phía ông L và bà P chỉ ký các bản đối chiếu công nợ ngày 16/12/2021 khi ông H yêu cầu trả và hứa hẹn nhưng không thanh toán thêm chỉ mua lại ra thức ăn tiền mặt nhưng nợ vụ tôm không thanh toán. Mặc dù ông H đã nhiều lần cử nhân viên gọi điện và đến nhà yêu cầu ông L và bà P yêu cầu trả tiền hàng còn nợ cho ông H, nhưng đến nay ông L và bà P vẫn cố tình không thanh toán.

Nay ông Trần Đại H yêu cầu Tòa án xem xét và giải quyết: Buộc ông Thạch L và bà Huỳnh Thị P cùng liên đới trả cho ông H số tiền còn nợ là 275.707.000 đồng (*Hai trăm bảy mươi lăm triệu bảy trăm lẻ bảy nghìn đồng*).

Tại phiên tòa hôm nay bị đơn bà Huỳnh Thị P trình bày ý kiến: Bà P thống nhất với phía nguyên đơn khởi kiện là vợ chồng bà P còn nợ nguyên đơn số tiền 275.707.000 đồng, do hoàn cảnh khó khăn nên cho vợ chồng bà P mỗi năm sẽ trả 30.000.000 đồng cho đến khi dứt nợ.

Tại phiên tòa hôm nay bị đơn ông Thạch L trình bày ý kiến: Ông L thống nhất với phía nguyên đơn khởi kiện là vợ chồng ông L còn nợ nguyên đơn số tiền 275.707.000 đồng, do hoàn cảnh khó khăn nên cho vợ chồng ông L mỗi năm sẽ trả 30.000.000 đồng cho đến khi dứt nợ. Trường hợp có được nhiều tiền thì sẽ thanh toán nhiều hơn.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Vĩnh Châu phát biểu ý kiến: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng pháp luật tố tụng dân sự từ khi Tòa án thụ lý vụ án đến tại phiên tòa hôm nay, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn và bị đơn P chấp hành đúng pháp luật tố tụng dân sự, bị đơn L chưa chấp hành đúng theo quy định của pháp luật tố tụng.

Chúng cứ được thu thập đầy đủ đảm bảo quyền lợi hợp pháp cho các đương sự. Các đương sự đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định pháp luật. Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Hội đồng xét xử đã xác định quan hệ tranh chấp là “Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản”.

Về nội dung giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc buộc các bị đơn liên đới thanh toán số tiền mua thức ăn còn nợ 275.707.000 đồng (hai trăm bảy mươi lăm triệu bảy trăm lẻ bảy nghìn đồng) cho nguyên đơn. Nghĩa vụ chịu án phí sơ thẩm đối với đương sự theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết: Tranh chấp giữa nguyên đơn ông Trần Đại H với bị đơn ông Thạch L và bà Huỳnh Thị P là tranh chấp về hợp đồng dân sự mua bán tài sản theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự và bị đơn có địa chỉ cư trú ở ấp Huỳnh Kỳ, xã Vĩnh Hải, thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng nên theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân thị xã Vĩnh Châu thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

[2] Về nội dung vụ án: Vào năm 2017 nguyên đơn có bán thức ăn nuôi tôm và thuốc thủy sản cho các bị đơn, hàng hóa được nhân viên giao hàng chở tận nơi hoặc ông L, bà P hoặc người nhà ông L đến lấy hàng tại kho của ông H, khi kết toán lại thì ông L, bà P còn nợ ông H số tiền 275.707.000 đồng (hai trăm bảy mươi lăm triệu bảy trăm lẻ bảy nghìn đồng) và hai bên có ký đối chiếu xác nhận công nợ và được bị đơn ông L và bà P thừa nhận không phản đối, tình tiết nêu trên nên nguyên đơn không phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự. Do đó yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở để chấp nhận buộc các bị đơn liên đới trả số tiền mua thức ăn còn nợ 275.707.000 đồng (hai trăm bảy mươi lăm triệu bảy trăm lẻ bảy nghìn đồng) cho nguyên đơn.

[3] Xét ý kiến của bị đơn: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa các bị đơn trình bày do hoàn cảnh khó khăn nên chưa có khả năng thanh toán nợ, yêu cầu mỗi năm trả 30.000.000 đồng (ba mươi triệu đồng) cho đến khi dứt nợ. Tuy nhiên, người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn không đồng ý nên không có cơ sở để Hội đồng xét xử chấp nhận, vấn đề này sẽ được xem xét trong giai đoạn thi hành án.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và ông Trần Đại H có đơn yêu cầu thi hành án, thì hàng tháng ông L và bà P phải liên đới trả lãi suất theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

[4] Từ những phân tích nêu trên, xét đề nghị của Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Vĩnh Châu là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên các bị đơn phải chịu án phí theo quy định tại khoản 1 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng Dân sự; Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 2 Điều 92, khoản 1 Điều 147, Điều 271, Điều 273, Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ vào Điều 430, Điều 433, Điều 434, Điều 440, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Căn cứ vào khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Trần Đại H đối với các bị đơn ông Thạch L và bà Huỳnh Thị P.

Buộc các bị đơn ông Thạch L và bà Huỳnh Thị P có nghĩa vụ liên đới thanh toán cho nguyên đơn ông Trần Đại H số tiền mua thức ăn nuôi tôm còn nợ 275.707.000 đồng (hai trăm bảy mươi lăm triệu bảy trăm lẻ bảy nghìn đồng).

2. Về nghĩa vụ chậm thi hành án: Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và ông Trần Đại H có đơn yêu cầu thi hành án, thì hàng tháng ông L và bà P phải liên đới trả lãi suất theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Bị đơn ông Thạch L và bà Huỳnh Thị P phải liên đới cùng chịu án phí là 13.785.350 đồng (mười ba triệu bảy trăm tám mươi lăm nghìn ba trăm năm mươi đồng) án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch.

- Nguyên đơn ông Trần Đại H không phải chịu án phí, được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp 6.892.675 đồng (sáu triệu tám trăm chín mươi hai nghìn sáu trăm bảy mươi lăm đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004407 ngày 05/10/2022 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng.

4. Về quyền kháng cáo bản án: Dương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án cấp trên xét xử lại theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 của Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Nơi nhận:

- TAND tỉnh ST (Phòng KTNV&THA);
- VKSND thị xã Vĩnh Châu;
- Dương sự;
- Chi cục THADS thị xã Vĩnh Châu;
- Lưu HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Dương Chiêu Hùng